TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 133/2018/DS-ST Ngày: 22-8-2018 V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi giữa ông Đ, bà D với bà Y.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cẩu

Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông P V Đ, sinh năm 1975 (có mặt)
Bà P T D, sinh năm 1977 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp V P, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 08-01-2018, Biên bản lấy lời khai ngày 07-3-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D trình bày: ông bà có tham gia chơi các dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau:

+Dây hụi 2.000.000đ, hụi kỳ, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, tổng số 21 phần, sau đó tăng lên thêm 1 phần, ông bà tham gia 1 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 22 ngày 01-12-2017 âm lịch, nhằm ngày 17-01-2018 thì mản hụi; ông bà đóng đủ 1 phần hụi sống đến mãn hụi, nên số tiền hốt hụi chót của ông bà là 42.000.000đ.

+Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 30-8-2016 âm lịch, nhằm ngày 30-9-2016, tổng số 25 phần, ông bà tham gia 3 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 3 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 17 ngày 30-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 16-01-2018 thì ngưng do bà Y tuyên bố bể hụi; ông bà đóng 3 phần hụi sống 16 lần là 89.850.000đ.

+Dây hụi 5.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 15-5-2016 âm lịch, nhằm ngày 19-6-2016, tổng số 22 phần, ông bà tham gia 1 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 20 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bà Y tuyên bố bể hụi; ông bà đóng 1 phần hụi sống 19 lần là 56.350.000đ.

Tổng cộng số tiền ông bà đóng hụi sống và hốt hụi chót là 188.200.000đ.

Đối với dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, ông bà có tham gia 2 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 2 phần hụi đã hốt. Ông bà còn nợ 13 lần hụi chết là 26.000.000đ, ông bà đồng ý khấu trừ vào tiền hụi sống bà Y còn nợ ông bà.

Nay ông bà yêu cầu bà P T Y có nghĩa vụ trả lại ông bà tiền đóng hụi sống và tiền hốt hụi chót là 162.200.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà P T Y trình bày: ông P V Đ, bà P T D có tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ như sau:

+Dây hụi 2.000.000đ, hụi kỳ, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, tổng số 21 phần, ông Đ bà D tham gia 1 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 22 ngày 01-12-2017 âm lịch, nhằm ngày 17-01-2018 thì ngưng do bể hụi; ông Đ bà D đóng 1 phần hụi sống 21 lần là 27.780.000đ.

+Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 30-8-2016 âm lịch, nhằm ngày 30-9-2016, tổng số 25 phần, ông Đ bà D tham gia 3 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 3 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 17 ngày 30-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 16-01-2018 thì ngưng do bể hụi; ông Đ bà D đóng 3 phần hụi sống 16 lần là 89.850.000đ.

+Dây hụi 5.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 15-5-2016 âm lịch, nhằm ngày 19-6-2016, tổng số 22 phần, ông Đ bà D tham gia 1 phần lấy tên Đ trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 20 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bể hụi; ông Đ bà D đóng 1 phần hụi sống 19 lần là 56.350.000đ.

Tổng cộng số tiền ông Đ, bà D đóng hụi sống là 173.980.000đ.

Ngoài ra ông Đ bà D còn tham gia dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, ông Đ bà D tham gia 2 phần lấy tên Đực trong danh sách hụi, 2 phần hụi đã hốt. Ông Đ bà D còn nợ 13 lần hụi chết là 26.000.000đ.

Nay trước yêu cầu đòi tiền đóng hụi sống của ông Đ bà D, bà xác định còn nợ tiền đóng hụi sống của ông Đ bà D là 173.980.000đ, bà đồng ý trả cho ông Đ bà D số tiền trên, yêu cầu ông Đ bà D khấu trừ tiền hụi chết 26.000.000đ và yêu cầu không tính lãi. Về phương thức thanh toán bà sẽ bán tài sản để trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hụi.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của bà P T D ngày 07-3-2018 và Biên bản bản lấy lời khai của bà P T Y ngày 15-3-2018. Ngày 08-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp (bút lục 02 – 04);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T D ngày 07-3-2018 (bút lục 26 – 31);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T Y ngày 15-3-2018 (bút lục 32 – 36),

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn ông Đ bà D và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hụi, việc góp hụi này đã không kết thúc mà bị bể hụi vào tháng 11/2017 âm lịch, riêng đối với dây hụi 2.000.000đ, khui lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016 thì mãn hụi vào ngày 01-12-2017 âm lịch, nhằm ngày 17-01-2018. Nguyên đơn trình bày số tiền đóng hụi sống và tiền hốt hụi chót là 188.200.000đ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này, đồng ý khấu trừ tiền hụi chết còn nợ là 26.000.000đ; không yêu cầu tính lãi. Bị đơn trình bày số tiền đóng hụi sống của nguyên đơn là 173.980.000đ, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được khấu trừ tiền hụi chết nguyên đơn còn nợ là 26.000.000đ, bị đơn yêu cầu được bán tài sản trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp hiệu lực của các hợp đồng góp hụi. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi sống đã đóng và tiền hốt hụi chót, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của các hợp đồng góp hụi.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền đóng hụi sống của nguyên đơn các dây hụi như sau:

1/Dây hụi 2.000.000đ, khui lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 27.780.000đ.

2/Dây hụi 3.000.000đ, khui lần đầu ngày 30-8-2016 âm lịch, nhằm ngày 30-9-2016, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 89.850.000đ.

3/Dây hụi 5.000.000đ, khui lần đầu ngày 15-5-2016 âm lịch, nhằm ngày 19-6-2016, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 56.350.000đ.

Tổng cộng 3 dây hụi trên nguyên đơn đã đóng hụi sống là 173.980.000đ.

Đối với dây hụi 2.000.000đ, khui lần đầu ngày 01-4-2016 âm lịch, nhằm ngày 07-5-2016. Căn cứ danh sách hụi, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bị đơn thì dây hụi này mãn hụi vào ngày 01-12-2017 âm lịch, nhằm ngày 17-01-2018 nên nguyên đơn được lĩnh hụi chót là 42.000.000đ.

Nguyên đơn và bị đơn còn thống nhất số tiền hụi chết nguyên đơn còn nợ bị đơn là 26.000.000đ. Bị đơn đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn, có khấu trừ số tiền hụi chết nguyên đơn còn nợ bị đơn. Tòa án tổ chức hòa giải bị đơn vắng mặt không có lý do.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D:* Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, dẫn đến các dây hụi bị bể hụi. Số tiền thực đóng hụi sống và hốt hụi chót của nguyên đơn là 188.200.000đ. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hụi là 188.200.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-

CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên nguyên đơn xác nhận và đồng ý khấu trừ 26.000.000đ tiền hụi chết nguyên đơn còn nợ bị đơn. Do đó, cần xác định số tiền hụi bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 162.200.000đ.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y trình bày:* Thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi sống là 173.980.000đ; Bị đơn yêu cầu được khấu trừ tiền hụi chết nguyên đơn còn là 26.000.000đ, nguyên đơn cũng đồng ý, nhưng không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, bị đơn bà Y phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, bà D, nên ông Đ, bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đ, bà D 4.725.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003262 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, bà D, buộc bị đơn bà Y có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn ông Đ, bà D 162.200.000đ nên bị đơn bà Y phải chịu 8.110.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-8-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 429; Điều 471; Điểm b, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D.

[2] Buộc bị đơn bà P T Y phải trả một lần cho nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D số tiền đóng hụi sống còn nợ là 162.200.000đ (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D 4.725.000đ (bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003262 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 8.110.000đ (tám triệu một trăm mười ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông P V Đ, bà P T D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22-8-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện

Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà